

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 256/2023/DS-PT

Ngày 20-6-2023

V/v tranh chấp thừa kế

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán:

Ông Phan Thanh Tòng

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2023/TLPT-DS ngày 20/4/2023 về “Tranh chấp thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 143/2022/DS-ST ngày 17/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1368/2023/QĐ-PT ngày 12/5/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Văn Công D, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số nhà A, L, phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Bà Phạm Kim P, sinh năm 1966

1.3. Ông Phạm Ngọc N, sinh năm 1971

1.4. Bà Hạ Thị Mỹ L, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Số nhà E L, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

1.5. Bà Phạm Thị Kim L1, sinh năm 1968

Địa chỉ: Số nhà A, L, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.6. Bà Phạm Thị Kim H, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện B, Thành phố C.

1.7. Bà Phạm Thị Ngọc M, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số nhà A, Đường B phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.8. Bà Phạm Thị Kim L2, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số nhà A, N, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Ngọc N, bà Phạm Thị Kim L1:
Ông Văn Công D, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số nhà A, L, phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Bùi Văn T -
Văn phòng L5, Đoàn Luật sư Thành phố H.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh H1, sinh năm 1963

Địa chỉ: Ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1966

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3.2. Ông Nguyễn Minh H3, sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3.3. Bà Nguyễn Minh Phượng L3, sinh năm 1969

Địa chỉ: Khu phố D, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3.4. Ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1950

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Y: Bà Nguyễn Thị L4,
sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3.5. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1954

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Minh H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của các nguyên đơn ông Văn Công D, bà Phạm Kim P, ông Phạm Ngọc N, bà Hạ Thị Mỹ L, bà Phạm Thị Kim L1, bà Phạm Thị Kim H, bà Phạm Thị Ngọc M, bà Phạm Thị Kim L2 và trong quá trình tố tụng các nguyên đơn trình bày:

Ông bà nội của các nguyên đơn là cụ Văn Công N1 chết năm 1976 và cụ Trà Thị T2 chết năm 2000 có để lại di sản thừa kế là thửa đất số 145, tờ bản đồ số 03, không để lại di chúc; thửa đất này trước đây là thửa 598, tờ bản đồ số 03 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ T2 năm 1997. Đến năm 2000, cụ T2 chết thì ông Nguyễn Minh H1 tự kê khai, đăng ký được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2009 và đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dự án Vlap ngày 22/12/2015 thành thửa đất số 145, tờ bản đồ số 03, diện tích 1213.5m². Tuy nhiên, sau khi kiểm tra thì các anh chị em ruột của ông H1 đã khiếu nại Ủy ban nhân dân huyện B, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng pháp luật nên Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành quyết định thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông H1.

Sau đó, các nguyên đơn đã gặp ông H1 để bàn bạc về việc chia thừa kế thừa đất trên cho các anh em trong cùng hàng thừa kế nhưng ông H1 không đồng ý. Cụ N1 và cụ T2 có 03 người con là Văn Thị H4 (chết năm 2005), Văn Thị B (chết năm 2012) và Văn Công B1 (chết năm 1999). Ông B1 có 08 người con là Hạ Thị Kim A (chết năm 1996 có một người con duy nhất Hạ Thị Mỹ L), Phạm Thị Kim L2, Phạm Kim P, Phạm Thị Kim L1, Phạm Ngọc N, Phạm Thị Kim H, Phạm Thị Ngọc M và Văn Công D. Bà H4 có 09 người con gồm Nguyễn Thị Thu H2, Nguyễn Minh H3, Nguyễn Minh Phụng L3, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Minh C (chết năm 1968), Nguyễn Minh Q (chết năm 1985), Nguyễn Minh K (chết năm 1979), Nguyễn Minh D1 (chết năm 1986), Nguyễn Minh S (chết năm 1981). Bà B có hai người con là Nguyễn Văn Y và Nguyễn Thị T1.

Các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ T2 để lại là quyền sử dụng đất thửa 145, tờ bản đồ số 03 theo pháp luật, các nguyên đơn yêu cầu được hưởng 1/3 diện tích đất mà lẽ ra ông B1 được hưởng.

Theo đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Y và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của ông Y trình bày: Ông Y thống nhất với lời trình bày của các nguyên đơn về nguồn gốc thửa đất số 145, tờ bản đồ số 03 và thống nhất hàng thừa kế của cụ T2 hiện nay. Ông Y yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ T2 để lại theo pháp luật thành 03 phần bằng nhau, ông Y được hưởng 1/3 di sản thừa kế.

Tại văn bản từ chối nhận di sản đề ngày 03/11/2022, bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Bà xin từ chối nhận toàn bộ kỷ phần của bà trong vụ kiện và đồng ý để lại cho anh ruột bà là ông Nguyễn Văn Y được hưởng toàn bộ kỷ phần của bà.

Bị đơn ông Nguyễn Minh H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H5, bà Nguyễn Thị Thu H2, bà Nguyễn Minh Phụng L3 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm nên không có lời trình bày.

Do không tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 143/2022/DS-ST ngày 17/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã áp dụng khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, các Điều 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 468, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của các nguyên đơn ông Văn Công D, bà Phạm Thị Kim L2, bà Phạm Kim P, ông Phạm Ngọc N, bà Phạm Thị Kim L1, bà Phạm Thị Kim H, bà Phạm Thị Ngọc M, bà Hạ Thị Mỹ L. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn Y đối với yêu cầu được nhận di sản thừa kế theo pháp luật.

Phân chia theo pháp luật di sản thừa kế diện tích 1393m² thửa đất 598 tờ bản đồ số 3 (trị giá 11.144.000.000đ). Tổng giá trị di sản là 11.144.000.000đ (Mười một tỷ một trăm bốn mươi bốn triệu đồng) và giá trị mỗi kỷ phần là

655.529.411đ (S1 trăm năm mươi lăm triệu năm trăm hai mươi chín ngàn bốn trăm mười một đồng). Phân chia cụ thể như sau:

Ông Văn Công D, bà Phạm Thị Kim L2, bà Phạm Kim P, ông Phạm Ngọc N, bà Phạm Thị Kim L1, bà Phạm Thị Kim H, bà Phạm Thị Ngọc M, bà Hạ Thị Mỹ L được hưởng diện tích 1393m² thửa đất 598 tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (có trích lục bản đồ ngày 24/10/2022 kèm theo).

Ông Nguyễn Văn Y được chia kỹ phần thành tiền là 1.311.058.822đ (Một tỷ ba trăm mười một triệu không trăm năm mươi tám ngàn tám trăm hai mươi hai đồng) do ông Văn Công D, bà Phạm Thị Kim L2, bà Phạm Kim P, ông Phạm Ngọc N, bà Phạm Thị Kim L1, bà Phạm Thị Kim H, bà Phạm Thị Ngọc M, bà Hạ Thị Mỹ L có nghĩa vụ giao lại

Ông Nguyễn Minh H1 được chia kỹ phần thành tiền là 655.529.411đ (S1 trăm năm mươi lăm triệu năm trăm hai mươi chín ngàn bốn trăm mười một đồng) do ông Văn Công D, bà Phạm Thị Kim L2, bà Phạm Kim P, ông Phạm Ngọc N, bà Phạm Thị Kim L1, bà Phạm Thị Kim H, bà Phạm Thị Ngọc M, bà Hạ Thị Mỹ L có nghĩa vụ giao lại.

Ông Nguyễn Minh H3 được chia kỹ phần thành tiền là 655.529.411đ (S1 trăm năm mươi lăm triệu năm trăm hai mươi chín ngàn bốn trăm mười một đồng) do ông Văn Công D, bà Phạm Thị Kim L2, bà Phạm Kim P, ông Phạm Ngọc N, bà Phạm Thị Kim L1, bà Phạm Thị Kim H, bà Phạm Thị Ngọc M, bà Hạ Thị Mỹ L có nghĩa vụ giao lại.

Bà Nguyễn Minh Phượng L3 được chia kỹ phần thành tiền là 655.529.411đ (S1 trăm năm mươi lăm triệu năm trăm hai mươi chín ngàn bốn trăm mười một đồng) do ông Văn Công D, bà Phạm Thị Kim L2, bà Phạm Kim P, ông Phạm Ngọc N, bà Phạm Thị Kim L1, bà Phạm Thị Kim H, bà Phạm Thị Ngọc M, bà Hạ Thị Mỹ L có nghĩa vụ giao lại.

Bà Nguyễn Thị Thu H2 được chia kỹ phần thành tiền là 655.529.411đ (S1 trăm năm mươi lăm triệu năm trăm hai mươi chín ngàn bốn trăm mười một đồng) do ông Văn Công D, bà Phạm Thị Kim L2, bà Phạm Kim P, ông Phạm Ngọc N, bà Phạm Thị Kim L1, bà Phạm Thị Kim H, bà Phạm Thị Ngọc M, bà Hạ Thị Mỹ L có nghĩa vụ giao lại.

Tạm giao cho bà Phạm Thị Ngọc M quản lý kỹ phần của ông Nguyễn Minh Q với số tiền là 655.529.411đ (Sáu trăm năm mươi lăm triệu năm trăm hai mươi chín ngàn bốn trăm mười một đồng).

Tạm giao cho bà Phạm Thị Ngọc M quản lý kỹ phần của ông Nguyễn Minh C với số tiền là 655.529.411đ (Sáu trăm năm mươi lăm triệu năm trăm hai mươi chín ngàn bốn trăm mười một đồng).

Tạm giao cho bà Phạm Thị Ngọc M quản lý kỹ phần của ông Nguyễn Minh K với số tiền là 655.529.411đ (Sáu trăm năm mươi lăm triệu năm trăm hai mươi chín ngàn bốn trăm mười một đồng).

Buộc những người được hưởng di sản của bà T2 theo giá trị bằng tiền phải di dời toàn bộ tài sản có trên thửa đất số 598 tờ bản đồ số 03 đi nơi khác để giao lại cho ông Văn Công D, bà Phạm Thị Kim L2, bà Phạm Kim P, ông Phạm Ngọc N, bà Phạm Thị Kim L1, bà Phạm Thị Kim H, bà Phạm Thị Ngọc M, bà Hạ Thị Mỹ L.

Ông Văn Công D, bà Phạm Thị Kim L2, bà Phạm Kim P, ông Phạm Ngọc N, bà Phạm Thị Kim L1, bà Phạm Thị Kim H, bà Phạm Thị Ngọc M, bà Hạ Thị Mỹ L có quyền liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được phân chia như trên.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/02/2023, bị đơn ông Nguyễn Minh H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm. Ông đề nghị xem xét công sức của ông về việc gìn giữ di sản thừa kế vì ông là người trực tiếp chung sống với cụ T2 từ nhỏ, đến khi cụ T2 chết thì ông là người tổ chức tang lễ, mai táng và thờ cúng. Ngoài ra, bà T1 đã nhận tiền của ông và có làm văn bản trả đất nhưng lại từ chối nhận di sản và để lại cho ông Y hưởng toàn bộ là không phù hợp; ông D cũng đã làm giấy cam kết không tranh chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với ông nhưng lại khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, ông H1 trình bày: Do ông không nhận được giấy triệu tập của Tòa án để tham gia phiên tòa sơ thẩm nên không có trình bày ý kiến về việc chia thừa kế, ông yêu cầu được nhận phần đất thổ cư 300m² để làm nhà thờ tổ. Ngoài ra, bà T1 đã nhận tiền của ông nên đề nghị xem xét lại các giấy cam kết, văn bản trả đất của bà T1.

Các nguyên đơn không đồng ý với nội dung kháng cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn trình bày: Ông H1 cho rằng có công sức gìn giữ di sản là không có căn cứ vì ông H1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Bản thân ông H1 không chấp hành pháp luật, không hợp tác trong quá trình tố tụng dẫn đến vụ án bị kéo dài hơn 02 năm, đồng thời khi khu đất bị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông H1 lại kêu gọi các anh em khác của ông xây nhà trái phép trên phần đất tranh chấp. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh H3 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, hủy Bản án sơ thẩm số: 143/2022/DS-ST ngày 17/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của ông Nguyễn Minh H1; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Minh H3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt ông H3.

[1.2] Về việc giao nhận đơn khởi kiện, đơn yêu cầu độc lập: Cấp sơ thẩm không lập biên bản giao nhận đơn khởi kiện, đơn yêu cầu độc lập, trong khi các đơn này không có xác nhận chữ ký của những người đứng đơn khởi kiện, đơn yêu cầu độc lập để làm căn cứ xác định nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có phải là người đã ký vào đơn khởi kiện, đơn yêu cầu độc lập hay không.

[1.3] Về phạm vi khởi kiện: Các nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T2 để lại là thửa đất 145, tờ bản đồ số 03 diện tích 1.213,5m² nhưng cấp sơ thẩm lại xác định di sản thừa kế của cụ T2 là thửa 598, tờ bản đồ số 3 diện tích 1.393m² là giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự.

[1.4] Về người tham gia tố tụng: Trong quá trình tố tụng, các đương sự có trình bày về việc ông Nguyễn Minh C, ông Nguyễn Minh Q, ông Nguyễn Minh K có vợ, con nhưng cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh, đưa những người con của những người này tham gia tố tụng là đưa thiếu người tham gia tố tụng.

[1.5] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan H2, bà L3 cho rằng các ông bà không được Tòa án triệu tập để tham gia phiên tòa sơ thẩm nên không thể tranh tụng tại phiên tòa. Theo hồ sơ vụ án, sau khi Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định tạm ngừng phiên tòa ngày 13/10/2022 để thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ thì không thể hiện có việc tổng đạt quyết định tạm ngừng phiên tòa cũng như thông báo về các lần mở phiên tòa tiếp theo cho bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để những người này tham gia phiên tòa, làm ảnh hưởng đến quyền tranh tụng của họ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về xác định hàng thừa kế: Các nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ T2 và cụ T2 chết năm 2000 nên thời điểm mở thừa kế được xác định là năm 2000. Tại thời điểm mở thừa kế, bà H4 (chết năm 2005) và bà B (chết năm 2012) đều còn sống, riêng ông B1 chết năm 1999 nên xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T2 là bà H4, bà B và những người con của ông B1 (thừa kế thế vị). Cấp sơ thẩm cho rằng hàng thừa kế thứ nhất của cụ T2 không còn và chia thừa kế cho hàng thừa kế thứ hai của cụ T2 là áp dụng pháp luật không đúng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến

quyền và lợi ích hợp pháp của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T2.

[2.2] Về tài sản trên đất: Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, trên đất tranh chấp có 05 căn nhà có kết cấu nền lát gạch bông, cột bê tông cốt thép, vách tường bao che, xây gạch, sơn nước hoàn thiện, mái tôn của các ông bà H1, L3, H2, H3 các căn nhà này được định giá với tổng giá trị là 477.965.000 đồng. Cấp sơ thẩm buộc di dời những căn nhà này, đồng thời không giải quyết hậu quả của việc di dời tài sản là chưa giải quyết toàn diện vụ án, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[2.3] Kèm theo đơn kháng cáo, ông H1 có nộp chứng cứ mới là “*Bảng trả đất*” ngày 04/6/2005 của bà Nguyễn Thị T1; Giấy cam kết ngày 04/3/2019 của ông Văn Công D để chứng minh bà T1, ông D không có tranh chấp đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H1. Đây là những chứng cứ mới phát sinh tại cấp phúc thẩm, cần làm rõ có hay không việc trả đất của bà T1, cam kết của ông D có liên quan đến quyền sử dụng đất đang tranh chấp thừa kế trong vụ án. Ngoài ra, cấp sơ thẩm cũng chưa xác minh, thu thập chứng cứ liên quan đến công sức gìn giữ, quản lý di sản từ khi cụ T2 chết cho đến nay để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Từ những nhận định trên, nhận thấy cấp sơ thẩm có những vi phạm về tố tụng và nội dung mà cấp phúc thẩm không khắc phục được, đồng thời có phát sinh thêm tình tiết mới nên phải hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do bản án bị hủy nên ông Nguyễn Minh H1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 143/2022/DS-ST ngày 17/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử vụ án “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn ông Văn Công D với bị đơn ông Nguyễn Minh H1, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Ba Tri để xét xử lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Nguyễn Minh H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001414 ngày 20/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hương